

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DSC
DSC SECURITIES CORPORATION

-----***-----

Số: 2007 /2026/CBTT-DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

-----***-----

Hà Nội, Ngày 20 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/Ho Chi Minh Stock Exchange
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchanges

1. Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Organization name : **DSC SECURITIES CORPORATION**

Mã Chứng khoán : DSC Mã Thành viên: 024

Stock code : DSC Membercode: 024

Địa chỉ : Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Address : 2nd Floor Thanh Cong Building, 80 Dich Vong Hau, Cau Giay Ward,
Hanoi City.

Điện thoại liên hệ : +84 243 880 3456 Fax : +84 243 783 2189

Tel : +84 243 880 3456 Fax : +84 243 783 2189

Email : info@dsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Chứng Khoán DSC (“DSC”) công bố thông tin: Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2026

DSC Securities Corporation (“DSC”) announces the the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20 / 7 /2026 tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/> của Công ty



*This information was disclosed on the company's website on 20/1/2026 at the following link:
<https://dsc.com.vn/>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Văn bản đính kèm
Attached documents:

- Báo cáo tình hình quản trị
Công ty
The Corporate
Governance Report

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE**



NGUYỄN ĐỨC ANH



Phụ lục V
Appendix V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DSC
DSC SECURITIES
CORPORATION

Số: 2007/2026/BC-DSC
No: 2007/2026/BC-DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 20, 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty
REPORT

On Corporate Governance

6 tháng đầu năm 2026
For the first 6-month of 2026

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh

To:

- *The State Securities Commission of Vietnam;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange.*
-

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**
Company name: DSC SECURITIES CORPORATION
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Head office address: 2nd Floor, Thanh Cong Building, 80 Dich Vong Hau Street, Cau Giay Ward, Hanoi City
- Điện thoại/Tel: +84 243 880 3456 Fax: +84 243 783 2189 Email: info@dsc.com.vn
- Vốn điều lệ: 2.784.717.110.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm tám mươi bốn tỷ bảy trăm mười bảy triệu một trăm mười nghìn đồng)
Charter Capital: VND 2,784,717,110,000 (In words: Two trillion seven hundred eighty-four billion seven hundred seventeen million one hundred ten thousand Vietnam Dong).



- Mã chứng khoán: DSC
Stock code: DSC
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Corporate Governance Structure: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board, and Executive Management.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
Status of Internal Audit Function Implementation: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”):

Activities of the General Meeting of Shareholders (“GMS”):

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings and Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders (including Resolutions adopted in the form of written consultation):

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/DSC	14/01/2026 <i>January 14, 2026</i>	• Thông qua toàn bộ nội dung về việc Điều chỉnh và tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động tại Công ty cổ phần Chứng khoán DSC năm 2025 <i>Approval of the adjustment and continued implementation of the employee stock ownership plan for 2025 of DSC Securities Corporation</i> • Thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong nhiệm kỳ còn lại của Hội đồng quản trị (2022 – 2027) <i>Approval of the election of an additional Independent Member of the Board of Directors for the remaining term (2022–2027)</i>
2	02/2026/NQ- ĐHĐCĐ/DSC	16/04/2026 <i>April 16, 2026</i>	• Thông qua các báo cáo: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; <i>Approval of reports: Report of the Board of Directors; Report of the Supervisory Board; Report of the Board of General Directors;</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			• Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty; <i>Approval of the audited financial statements for fiscal year 2025;</i> • Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; <i>Approval of remuneration for the Board of Directors and the Supervisory Board;</i> • Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026; <i>Approval of the selection of an independent audit firm for the 2026 financial statements;</i> • Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; <i>Approval of the 2025 profit distribution plan;</i> • Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026; <i>Approval of the 2026 business plan;</i> • Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 2.048.389.250.000 đồng lên 2.749.999.110.000 đồng đã được kiểm toán <i>Approval of the audited report on the use of proceeds from the charter capital increase from VND 2,048,389,250,000 to VND 2,749,999,110,000</i> • Thông qua Báo cáo các lần sửa đổi Điều lệ Công ty <i>Approval of the Report on the amendments to the Company's Charter</i> • Thông qua việc tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược của Công ty <i>Approval of the search for a strategic investor for the Company</i>

II. Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

Board of Directors (“BOD”)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

Information on Members of the Board of Directors

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành <i>Position (Independent BOD Member, Non-Executive BOD Member)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>Date of Appointment/Termination as BOD Member/Independent BOD Member</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of Appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of Dismissal</i>
1	Ông Nguyễn Đức Anh <i>Mr. Nguyen Duc Anh</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>	20/04/2022	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà <i>Ms. Nguyen Thi Thu Ha</i>	Thành viên HĐQT không điều hành <i>Non-Executive BOD Member</i>	20/04/2022	
3	Ông Bạch Quốc Vinh <i>Mr. Bach Quoc Vinh</i>	Thành viên HĐQT <i>BOD Member</i>	20/04/2022	
4	Ông Phạm Quang Hưng <i>Mr. Pham Quang Hung</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>	14/01/2026	
5	Ông Bùi Văn Hùng <i>Mr. Bui Van Hung</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>	04/04/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT

Meetings of the Board of Directors

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for Absence</i>
1	Ông Nguyễn Đức Anh <i>Mr. Nguyen Duc Anh</i>	21/21	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà <i>Ms. Nguyen Thi Thu Ha</i>	21/21	100%	
3	Ông Phạm Quang Hưng <i>Mr. Pham Quang Hung</i>	20/20	100%	
4	Ông Bạch Quốc Vinh <i>Mr. Bach Quoc Vinh</i>	19/21	90,4%	Không được tham gia biểu quyết

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for Absence</i>
				<i>No entiteled to participate in voting</i>
5	Ông Bùi Văn Hùng <i>Mr. Bui Van Hung</i>	21/21	100%	

3. *Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc*

Supervision Activities of the Board of Directors over the Executive Board

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

Pursuant to the Company's Charter, Internal Corporate Governance Regulations, the Regulations on Operations of the Board of Directors, and current legal provisions, the Board of Directors ("BOD") conducted supervision over the Executive Board during the first six months of 2026 as follows:

- 3.1. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

Supervision of the implementation of Resolutions/Decisions issued by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

- 3.2. Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra. Cụ thể:

Supervision of the Executive Board's operations to enhance business efficiency and achieve the approved business plan. Specifically:

- (a) Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT tiếp tục nâng cao hoạt động giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;

During the first half of 2026, the BOD continued to strengthen its supervisory role by providing guidance and direction to the Executive Board to ensure the full and proper implementation of the Resolutions/Decisions issued by the General Meeting of Shareholders and the BOD;

- (b) Các báo cáo định kỳ (Báo cáo thường niên, các Báo cáo tài chính quý, Báo cáo hoạt động tháng, ...) được hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn;

Periodic reports (Annual Report, Quarterly Financial Statements, Monthly Business Reports, etc.) were completed in full and submitted on time;

- (c) Các thông tin được công bố và báo cáo đầy đủ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, (các) Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành.

Information disclosure and reporting were conducted fully and in accordance with the regulations of the State Securities Commission, Stock Exchanges, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and relevant legal provisions;

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã dành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành.

In addition, the BOD spent considerable time engaging in discussions with the Executive Board to promote the Company's business activities, in compliance with the Charter, Internal Corporate Governance Regulations, the BOD's operational guidelines, and applicable laws.

Qua quá trình giám sát, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc 06 tháng đầu năm 2026 đã triển khai nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT; đề xuất các kế hoạch kinh doanh và những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty.

Through its supervision, the BOD assesses that the Executive Board has seriously implemented the Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders and the BOD during the first half of 2026; reported and adjusted implementation processes in a timely manner to align with actual conditions and the BOD's requirements; and proactively proposed business plans and measures to improve the Company's operations and management.

4. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Activities of the Committees under the Board of Directors (if any)

Chức năng của (các) Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị được giao cho các nhân sự chuyên trách.

The functions of the Committees under the Board of Directors, including the Internal Audit and Risk Management Committee, are delegated to designated specialized personnel.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong 06 tháng đầu năm 2026

Resolutions/Decisions of the Board of Directors in the First Half of 2026

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date <i>[DD/MM/YYYY]</i>	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	01/2026/NQ-HĐQT/DSC	09/01/2026	Phê duyệt việc bổ nhiệm & miễn nhiệm Giám đốc (người đứng đầu) chi nhánh Đà Nẵng <i>Approval of the appointment and dismissal of the Director (Head) of the Da Nang Branch</i>	100%
2	01.1/2026/NQ-HĐQT/DSC	26/01/2026	Phê duyệt Hạn mức tín dụng mới tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank"). <i>Approval of a new credit facility from Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank ("VPBank").</i>	100%
3	02/2026/NQ-HĐQT/DSC	28/01/2026	Phê duyệt triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty ("Esop") sửa đổi <i>Approval of the implementation of the amended share issuance plan under the Company's Employee Stock Ownership Plan (ESOP).</i>	100%
4	03/2026/NQ-HĐQT/DSC	28/01/2026	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") sửa đổi và Danh sách Cán bộ nhân viên được tham gia chương trình <i>Approval of the amended Employee Stock Ownership Plan (ESOP) Regulations and the List of Employees Participating in the ESOP.</i>	100%
5	04/2026/NQ-HĐQT/DSC	28/01/2026	Phê duyệt hạn mức tín dụng mới tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") <i>Approval of the new credit facility with Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB")</i>	100%
6	05/2026/NQ-HĐQT/DSC	28/01/2026	Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026 của Công ty <i>Approval of the Company's 2026 Internal Audit Plan</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date <i>[DD/MM/YYYY]</i>	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
7	06/2026/NQ-HĐQT/DSC	11/02/2026	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 <i>Approval of the Organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
8	07/2026/NQ-HĐQT/DSC	12/02/2026	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi và Kế hoạch thưởng hiệu quả kinh doanh năm 2025 <i>Approval of the Allocation to the Reward and Welfare Fund and the 2025 Business Performance Bonus Plan.</i>	100%
9	08/2026/NQ-HĐQT/DSC	13/02/2026	Phê duyệt bổ sung mã cổ phiếu EIB vào Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ tại Công ty <i>Approval of the Addition of EIB Shares to the List of Securities Eligible for Margin Trading at the Company.</i>	100%
10	09/2026/NQ-HĐQT/DSC	13/02/2026	Phê duyệt bổ sung mã cổ phiếu DVM vào Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ tại Công ty <i>Approval of the Addition of DVM Shares to the List of Securities Eligible for Margin Trading at the Company.</i>	100%
11	10/2026/NQ-HĐQT/DSC	02/03/2026	Phê duyệt đầu tư tự doanh đối với mã chứng khoán CDP <i>Approval of the Proprietary Investment in CDP stock.</i>	100%
12	11/2026/NQ-HĐQT/DSC	03/03/2026	Phê duyệt điều chỉnh tăng hạn mức tự doanh của Công ty <i>Approval of the increase in the Company's proprietary trading limit.</i>	100%
13	12/2026/NQ-HĐQT/DSC	16/03/2026	Thông qua Báo cáo Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và sửa đổi điều lệ Công ty <i>Approval of the Report on the Results of the Stock Issuance under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP) and the Amendments to the</i>	100%

C.7
T.Y
HÀN
KHOA
C
-T.P

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date <i>[DD/MM/YYYY]</i>	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Company's Charter</i>	
14	13/2026/NQ-HĐQT/DSC	19/03/2026	Thông qua Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 <i>Approval of the Meeting Documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
15	14/2026/NQ-HĐQT/DSC	01/04/2026	Phê duyệt đầu tư tự doanh đối với mã chứng khoán DVM <i>Approval of proprietary trading investment in DVM stock</i>	100%
16	15/2026/NQ-HĐQT/DSC	13/04/2026	Phê duyệt điều chỉnh tăng hạn mức tự doanh của Công ty <i>Approval of the increase in the Company's proprietary trading limit</i>	100%
17	16/2026/NQ-HĐQT/DSC	28/05/2026	Phê duyệt bổ sung mã cổ phiếu STB vào Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ tại Công ty <i>Approving the addition of STB stock to the Company's List of Eligible Securities for Margin Trading</i>	100%
18	17/2026/NQ-HĐQT/DSC	29/05/2026	Phê duyệt Hạn mức tín dụng mới tại Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển ("PGBank") – Chi nhánh Hà Nội <i>Approval of a new credit limit at Prosperity and Development Joint Stock Commercial Bank ("PGBank") – Hanoi Branch</i>	100%
19	18/2026/NQ-HĐQT/DSC	29/05/2026	Phê duyệt Hạn mức tín dụng mới tại Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") <i>Approval of a new credit limit at Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB")</i>	100%
20	19/2026/NQ-HĐQT/DSC	22/06/2026	Phê duyệt Quy chế người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC <i>Approval of the Regulations on Capital Representatives of DSC Securities Corporation</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i> [DD/MM/YYYY]	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
21	20/2026/NQ- HĐQT/DSC	30/06/2026	Phê duyệt Ký kết hợp đồng Kiểm toán <i>Approval of the signing of the Auditing Contract</i>	100%

III. Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm)

Supervisory Board / Audit Committee (Annual Report)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”)/Ủy ban Kiểm toán

Information on Members of the Supervisory Board / Audit Committee

STT No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Member of the Supervisory Board / Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Start/End Date of Membership in the Supervisory Board / Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Educational Background</i>
1	Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc <i>Ms. Nguyen Thi Hien Ngoc</i>	Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>	05/03/2021 – Nay <i>From 05/03/2021 to Present</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>
2	Bà Lê Thị Liên <i>Ms. Le Thi Lien</i>	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	05/03/2021 – Nay <i>From 05/03/2021 to Present</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>
3	Bà Bùi Thị Ngọc Ly <i>Ms. Bui Thi Ngoc Ly</i>	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	05/03/2021 – Nay <i>From 05/03/2021 to Present</i>	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán

STT No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Member of the Supervisory Board / Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance Rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for Absence</i>
1.	Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc <i>Ms. Nguyen Thi Hien Ngoc</i>	2/2	100%	100%	
2.	Bà Lê Thị Liên <i>Ms. Le Thi Lien</i>	2/2	100%	100%	
3.	Bà Bùi Thị Ngọc Ly <i>Ms. Bui Thi Ngoc Ly</i>	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng

Giám đốc và cổ đông

Supervisory Activities of the Supervisory Board / Audit Committee over the Board of Directors, Executive Board, and Shareholders

Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc duy trì mối quan hệ với BKS, nâng cao hoạt động giám sát, đóng góp ý kiến khi cần thiết.

In the first six months of 2026, the Board of Directors and the Executive Board maintained a cooperative relationship with the Supervisory Board, enhanced monitoring activities, and provided input where necessary.

Trong quá trình làm việc, BKS được cung cấp hồ sơ, tài liệu, các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

During the working process, the Supervisory Board was provided with documents, records, and relevant information related to corporate governance, business operations, and the Company's financial status.

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

The Company fully complied with legal requirements on information disclosure regarding matters arising during its operation.

BKS không nhận được các đơn khiếu nại của cổ đông trong 06 tháng đầu năm 2026.

The Supervisory Board did not receive any complaints from shareholders in the first six months of 2026.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Coordination between the Supervisory Board / Audit Committee and the Board of Directors, Executive Board, and Other Managers

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty và Ban Kiểm soát chủ động liên lạc, trao đổi với nhau khi có những hoạt động kinh doanh cần thiết có ý kiến của các Bên trên tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển Công ty.

The Board of Directors, Executive Board, other key managers of the Company, and the Supervisory Board proactively communicated and consulted with each other when necessary for business operations. All parties worked in a spirit of unity and mutual support, aiming to improve and develop the Company.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có): Không có

Other Activities of the Supervisory Board / Audit Committee (if any): None.

IV. Ban Điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Member of the Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Educational background</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of Appointment/Dismissal</i>
1	Ông Bạch Quốc Vinh Mr. Bach Quoc vinh	18/10/1975	Thạc sỹ <i>Master's Degree</i>	Bổ nhiệm ngày 16/02/2022 <i>Appointed on 16/02/2022</i>

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Full Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Educational background</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of Appointment/Dismissal</i>
Trần Minh Toàn <i>Mr. Tran Minh Toan</i>	12/05/1984	Cử nhân <i>Bachelor's Degree</i>	Bổ nhiệm 12/05/2022 <i>Appointed on 12/05/2022</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Corporate Governance Training

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.

Corporate governance training programs attended by members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other executive officers, and the Company Secretary as required by corporate governance regulations: None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

List of Related Persons of the Public Company (Annual Report) and Transactions Between Related Persons and the Company

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: PHỤ LỤC 01 đính kèm Báo cáo này.

List of related persons of the Company: See Appendix 01 attached to this report.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position in the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>Document No. *, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Date Became a Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Date Ceased to be a Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Nature of Relationship with the Company</i>

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối*

với tổ chức)

Note: NSH Document No. refers to: Citizen ID/Passport No. (for individuals), or Enterprise Registration Certificate No., Operating License, or equivalent legal document (for organizations).

2. **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:**

Transactions Between the Company and Related Persons; or Between the Company and Major Shareholders, Insiders, or Persons Related to Insiders:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Securities Trading Account (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of Transaction with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution/Decision No. by the GMS/BOD (if any, specify issuance date)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, Quantity, Total Transaction Value	Ghi chú Note
Không có/None								

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CCCD/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Note: NSH Document No. refers to: Citizen ID/Passport No. (for individuals), or Enterprise Registration Certificate No., Operating License, or equivalent legal document (for organizations).

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:**

Transactions Between the Company's Insiders, Persons Related to Insiders and the Company's Subsidiaries or Controlled Entities:

STT	Người thực hiện giao dịch Transaction Party	Quan hệ với người nội bộ Relationship with Insider	Chức vụ tại CTNY Position at the Company	Số CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport No., Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of Subsidiary	Thời điểm giao dịch Time of Transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, Quantity, Total Transaction Value	Ghi chú Notes
-----	--	---	---	---	--------------------	--	--	--	------------------

						or Controlled Entity			
Không có/None									

4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác:

Transactions Between the Company and Other Parties:

- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

Transactions between the Company and entities in which members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (CEO), and other managerial personnel have been or are currently founding members, members of the Board of Directors, or executive directors within the past three (03) years (as of the reporting date): None

- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

Transactions between the Company and entities in which related persons of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (CEO), and other managerial personnel are members of the Board of Directors or executive directors: None

- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

Other transactions (if any) of the Company that may bring material or immaterial benefits to members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (CEO), and other managerial personnel: None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng)

Transactions in Company Shares by Insiders and Related Persons of Insiders (Semi-annual report)

- 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:** PHỤ LỤC 02 đính kèm Báo cáo này.

List of insiders and related persons of insiders: Refer to APPENDIX 02 attached to this Report.

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID/Passport Number,	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Shareholding Ratio at Period-End	Ghi chú Note
------------	---------------------	--	---	---	-------------------------------	---	---	--------------------

		Trading Account (if any)	Company (if any)	Date of Issue, Place of Issue		Shares Held at Period- End		
1	(Tên người nội bộ) (Name of Insider)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ Name of related person of the insider							

2. **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:**

Transactions by insiders and their related persons involving company shares:

STT No.	Người thực hiện giao dịch Name of Person Conducting Transaction	Quan hệ với người nội bộ Relationship with Insider	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Shares Held at Beginning of Period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Shares Held at End of Period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reason for Increase/Decrease (purchase, sale, conversion, bonus, etc.)
			Số cổ phiếu <i>No. of Shares</i>	Tỷ lệ <i>Ownership %</i>	Số cổ phiếu <i>No. of Shares</i>	Tỷ lệ <i>Ownership %</i>	
PHỤ LỤC 03 đính kèm Báo cáo này. <i>Refer to APPENDIX 03 attached to this Report.</i>							

IX. **Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có.

Other Notable Issues: None.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

Recipients:

- As addressed;
- Archive: Office.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signed, full name and affixed seal)



**NGUYỄN ĐỨC ANH
NGUYEN DUC ANH**



PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date Became a Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date Ceased to be a Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty Nature of Relationship with the Company
1.	Ông (Mr.) Nguyễn Đức Anh		Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors			08/01/2021	-		Người nội bộ của Công ty Cổ đông sở hữu trên 10% VDL Insider of the Company Shareholder holding more than 10% of the Charter Capital
2.	Bà (Ms.) Nguyễn Thị Thu Hà		TV HĐQT BOD Member			08/01/2021	-		Người nội bộ của Công ty Insider of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position in the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Date Became a Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Date Ceased to be a Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Nature of Relationship with the Company</i>
3.	Ông (Mr.) Phạm Quang Hưng		TV HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>			14/01/2026		Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ - ĐHĐCĐ/DS C ngày 14/01/2026 <i>According to Resolution of the General Meeting of Shareholder s No. 01/2026/NQ - DHCD/DSC dated January 14, 2026</i>	Người nội bộ của Công ty <i>Insider of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position in the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Date Became a Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Date Ceased to be a Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Nature of Relationship with the Company</i>
4.	Ông (Mr.) Bùi Văn Hùng		TV HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>			04/04/2025	-	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ - ĐHĐCĐ/DS C ngày 04/04/2025 <i>According to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ - DHCD/DSC dated April 4, 2025</i>	Người nội bộ của Công ty <i>Insider of the Company</i>
5.	Ông (Mr.)		TV HĐQT kiêm TGĐ			16/02/2022	-		Người nội bộ của Công ty

29-
ÔNG
Ô P
NG
DS
HAY

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date Became a Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date Ceased to be a Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty Nature of Relationship with the Company
	Bách Quốc Vinh		Member of BOD/CEO						Insider of the Company
6.	Bà (Ms.) Nguyễn Thị Hiền Ngọc		Trưởng BKS Head of Supervisory board			05/03/2021	-		Người nội bộ của Công ty Insider of the Company

C.T.C
TY
HÀN
KHOÁ
C
- T.P

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date Became a Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date Ceased to be a Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty Nature of Relationship with the Company
7.	Bà (Ms.) Lê Thị Liên		TV BKS Member of Supervisory board			05/03/2021	-		Người nội bộ của Công ty Insider of the Company
8.	Bà (Ms.) Bùi Thị Ngọc Ly	Không	TV BKS Member of Supervisory board			05/03/2021	-		Người nội bộ của Công ty Insider of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date Became a Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date Ceased to be a Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty Nature of Relationship with the Company
9.	Ông (Mr.) Trần Minh Toàn		Kế Toán Trưởng Chief Accountant			12/05/2022	-		Người nội bộ của Công ty Insider of the Company
10.	CTCP Đầu tư NTP NTP INVESTMENT JSC		Không None			16/08/2021	-		Cổ đông sở hữu trên 10% VDL Shareholder holding more than 10% of the Charter Capital

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position in the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Date Became a Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Date Ceased to be a Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Nature of Relationship with the Company</i>
11.	Bà (Ms.) La Quỳnh Anh		Người Phụ trách quản trị công ty <i>Corporate Governance Officer</i>			31/10/2024	-	Theo Nghị quyết HĐQT số 18/2024/NQ - HĐQT/DSC ngày 31/10/2024 <i>According to Resolution of the Board of Directors No. 18/2024/NQ - HĐQT/DSC dated October 31, 2024</i>	Người nội bộ của Công ty <i>Insider of the Company</i>
12.	Công đoàn Công ty Cổ phần	Không/ <i>No ne</i>	Công đoàn lao động <i>Labor Union</i>			27/02/2021			Người nội bộ của Công ty <i>Insider of the Company</i>

29-1
ÔNG
S PH
NG K
DS
ẤY

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position in the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH Document No. *, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Date Became a Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Date Ceased to be a Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Nature of Relationship with the Company</i>
	Chứng khoán DSC <i>Labor Union of DSC Securities Corporation</i>								
13.	Ông (Mr.) Lê Ngọc Đức		Không <i>None</i>			11/11/2025			Cổ đông sở hữu trên 10% VDL <i>Shareholder holding more than 10% of the Charter Capital</i>

S.T.
 T.Y
 AN
 HOA
 C
 T.P.

PHỤ LỤC 02
APPENDIX 02

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
LIST OF INSIDERS AND PERSONS RELATED TO INSIDERS

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Nguyễn Đức Anh		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>					65.360.046	23,77%	
1.1	Nguyễn Quốc Hoàn		Bố đẻ <i>Father</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1.2	Vũ Phương Đông		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	
1.3	Nguyễn Quốc Toàn		Em ruột <i>Brother</i>					0	0	
1.4	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP <i>NTP INVESTMENT Joint Stock Company</i>		Ông Nguyễn Đức Anh là Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc <i>Mr. Nguyen</i>			Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội <i>Hanoi Department of Planning and</i>	Tầng 8, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy,	81.900.000	29,41%	

11/01/2021
 11/01/2021
 11/01/2021

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			<i>Duc Anh – Chairman of the Board of Directors / Chief Executive Officer (CEO)</i>			<i>Investment</i>	Thành phố Hà Nội <i>8th Floor, Thanh Cong Building, 80 Dich Vong Hau, Cau Giay Ward, Hanoi City</i>			
1.5	Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam <i>THANH CONG MOTOR VIETNAM JOINT STOCK COMPANY</i>		Ông Nguyễn Đức Anh là người đại diện theo pháp luật <i>Mr. Nguyen Duc Anh – Legal Representativ e of the Company</i>			Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình <i>Department of Planning and Investment of Ninh Binh Province</i>	Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trần, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam <i>Gian Khau Industrial Park, Gia Tran Commune,</i>	0	0	

9-1
NG
PH
IG H
DS
AY

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							Ninh Bình Province, Vietnam			
1.6	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA VIDIPHA Central Pharmaceutical Joint -Stock Company		Ông Nguyễn Đức Anh là thành viên HĐQT <i>Mr. Nguyen Duc Anh – Member of BOD</i>			Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh <i>Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City</i>	184/2 Lê Văn Sỹ, Phường Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam 84/2 Le Van Sy, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0	
1.7	Mai Phương Thảo		Vợ <i>Wife</i>					0	0	

THY
AN
HO
C
T

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1.8	Nguyễn Đức Kiên		Con đẻ <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>
1.9	Mai Duy Thiện		Bố vợ <i>Father in law</i>					0	0	
1.10	Tôn Thị Lan Phuong		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Sharehold ing Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2	Nguyễn Thị Thu Hà		Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>					3.034.940	1,1%	
2.1	Nguyễn Tuấn Hùng		Bố đẻ <i>Father</i>							Đã mất <i>Dece ased</i>
2.2	Đặng Thị Kim Nam		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	

29
ĐÃ
ĐƯỢC
NG
D

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.3	Bùi Xuân Chung		Chồng <i>Husband</i>					0	0	
2.4	Bùi Duy Quang		Con đẻ <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ

10/1
 3/1
 HAI
 KH
 30
 1-1

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
										Unde rage
2.5	Bùi Gia Khánh		Con đẻ <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.6	Nguyễn Hoàng Long		Em ruột <i>Brother</i>					0	0	
2.7	Nguyễn Hoàng Lân		Em ruột <i>Brother</i>					0	0	
2.8	Trần Thị Phương Linh		Em dâu <i>Sister in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.9	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP <i>NTP INVESTMENT</i>		Bà Nguyễn Thị Thu Hà là thành viên HĐQT <i>Ms. Nguyễn Thị Thu Hà is member of BOD</i>					81.900.000	29,41	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3	Bạch Quốc Vinh		TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc <i>Member of BoD/CEO</i>					1.902.755	0,69%	
3.1	Bạch Quốc Bình		Bố đẻ <i>Father</i>					0	0	

9-1
 NG
 PH
 IG K
 DS
 ẤY

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.2	Đỗ Thị Cẩm		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	
3.3	Bạch Thị Thanh Trúc		Chị gái <i>Sister</i>					0	0	


 T.Y.
 AN
 HOÁ
 C
 T.P.

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.4	Dương Văn Long		Bố vợ <i>Father in law</i>	Dead				0	0	
3.5	Trần Thị Mỹ		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.6	Dương Quỳnh Hoa		Vợ <i>Wife</i>					0	0	
3.7	Bạch Dương Yến Linh		Con <i>Daughter</i>					0	0	

12
 CỘNG
 ĐỒNG
 CỔ
 Đ
 1/5/

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.8	Bạch Dương Quỳnh Mai		Con <i>Daughter</i>					0	0	
3.9	Bạch Thiên Khôi		Con <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>
3.10	Bạch Thiên Phong		Con <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.11	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP <i>NTP ASSET MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY</i>		Ông Bạch Quốc Vinh là Thành viên HĐQT <i>Mr. Bạch Quốc Vinh – Member of the Board of Directors</i>					0	0	

2.T.
TY
ÂN
HOÀ
C
T.P.

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.12	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA VIDIPHA Central Pharmceutical Joint -Stock Company		Ông Bạch Quốc Vinh là thành viên HĐQT <i>Mr. Bạch Quoc Vinh – Member of BOD</i>					0	0	
3.13	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA/CO DUPHA Central Pharmceutical Joint Stock Company		Ông Bạch Quốc Vinh là thành viên Ban Kiểm Soát <i>Mr. Bạch Quoc Vinh – Member of Supervisory</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			<i>Board</i>							
4	Bùi Văn Hùng		TV HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>					20.137	0,01%	
4.1	Ngô Thị Phụng		Vợ <i>Wife</i>					0	0	

29
ÔNG
ÔNG
ÔNG
ÔNG
ÔNG

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4.2	Bùi Thái Sơn		Con đẻ <i>Son</i>					0	0	
4.3	Bùi Cẩm Tú		Con đẻ <i>Daughter</i>					0	0	
4.4	Bùi Văn Tuyên		Bố đẻ							

10/01/2021
 B.T.
 HẢI
 KH
 30/11

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			Father							
4.5	Đào Thị Đựng		Mẹ đẻ <i>Mother</i>							
4.6	Bùi Thị Phương		Chị ruột <i>Sister</i>					0	0	
4.7	Bùi Văn Tuấn		Anh ruột <i>Brother</i>					0	0	
4.8	Bùi Thị Nghĩa		Chị ruột <i>Sister</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4.9	Bùi Văn Chiến		Em ruột <i>Brother</i>					0	0	
4.10	Ngô Văn Phú		Bố vợ <i>Father in law</i>							
4.11	Đỗ Thị Tuyên		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4.12	Ngô Thanh Hà		Em vợ <i>Sister in law</i>					0		
4.13	Ngô Mạnh Hùng		Em vợ <i>Brother in law</i>					0		
5	Nguyễn Thị Hiền Ngọc		Trưởng BKS <i>Head of</i>					33.562	0,01%	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			<i>Supervisory board</i>							
5.1	Nguyễn Xuân Hoàng		Bố đẻ Father							Đã mất <i>Dece</i>

-C
 G T
 PH
 G KI
 SC
 Y -

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
										ased
5.2	Ngô Thị Sáng		Mẹ đẻ Mother							Đã mất Dece ased
5.3	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Chị ruột Sister					0	0	
5.4	Nguyễn Hoàng Hà		Em ruột Sister					0	0	

T.C.
Y
N
OÁN
P.P

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5.5	Vũ Thị Lành		Mẹ chồng <i>Mother in law</i>					0	0	
5.6	Trần Bá Thâm		Bố chồng <i>Father in law</i>							Đã mất <i>Dece ased</i>
5.7	Trần Bá Ngọ		Chồng <i>Husband</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5.8	Tạ Thị Ngọc Mai		Con đẻ <i>Daughter</i>					0	0	

21/2/2024
CỔ
CỔ
HỨNG
/ GI

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5.9	Nguyễn Nam Thành		Con rể <i>Son in law</i>					0	0	
5.10	Tạ Đình Phong		Con ruột <i>Son</i>					0	0	


 NG
 PH.
 GK
 DSI
 IV.

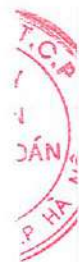
ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6	Lê Thị Liên		Thành viên BKS <i>Member of Supervisory board</i>					7.920	0,002%	
6.1	Lê Văn Thành		Bố đẻ <i>Father</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.2	Trần Thị Long		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	
6.3	Lê Huy Thanh		Anh ruột <i>Brother</i>					0	0	

29
ÔN
CỐ P
JNG
D
GIẤ

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.4	Hoàng Thị Hiền		Chị dâu <i>Sister in law</i>					0	0	
6.5	Lê Thị Lan		Chị ruột <i>Sister</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.6	Lê Như Toàn		Anh rể <i>Brother in law</i>					0	0	
6.7	Âu Thị Oanh		Mẹ chồng <i>Mother in law</i>					0	0	



ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
										★ 100%
6.8	Âu Xuân Liệu		Chồng <i>Husband</i>					0	0	
6.9	Âu Lê Vinh Quang		Con đẻ <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>



ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.10	Âu Lê Quang Hung		Con đẻ <i>Son</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>
7	Bùi Thị Ngọc Ly		Thành viên BKS <i>Member of Supervisory board</i>					7.001	0,002%	

29
CỘNG
HÒA
GI

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7.1	Bùi Đình Thầu		Bố đẻ <i>Father</i>					0	0	
7.2	Đỗ Thị Quê		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	
7.3	Hoàng Văn Thực		Bố chồng <i>Father in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7.4	Hoàng Thị Bích Ngọc		Mẹ chồng <i>Mother in law</i>					0	0	
7.5	Hoàng Văn Thắng		Chồng <i>Husband</i>					0	0	
7.6	Hoàng Quỳnh Mai		Con <i>Daughter</i>					0	0	Còn nhỏ <i>Unde rage</i>

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7.7	Bùi Đình Thiệp		Em ruột <i>Brother</i>					0	0	
7.8	Hoàng Thị Hồng		Chị chồng <i>Sister in law</i>					0	0	
7.9	Hoàng Thị Thạo		Em chồng					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
			<i>Sister in law</i>							
7.10	Nguyễn Văn Lượng		Anh rể <i>Brother in law</i>					0	0	
7.11	Nguyễn Văn Hân		Em rể <i>Brother in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8	Trần Minh Toàn		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					170.743	0,061%	
8.1	Trần Quốc Phòng		Bố đẻ <i>Father</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.2	Trần Thị Phương		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	
8.3	Trần Xuân Mão		Anh ruột <i>Brother</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.4	Trần Thị Loan		Chị dâu <i>Sister in law</i>					0	0	
8.5	Trần Thị Thơm		Chị ruột <i>Sister</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.6	Đỗ Văn Diệm		Anh rể <i>Brother in law</i>					0	0	
8.7	Đỗ Ngọc Thương		Bố vợ <i>Father in law</i>					0	0	
8.8	Nguyễn Thị Bình		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.9	Đỗ Thị Hương	021C083264	Vợ <i>Wife</i>					0	0	
8.10	Trần Anh Phuong		Con <i>Daughter</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.11	Trần Minh Thu		Con <i>Daughter</i>					0	0	

T. C.
 T. Y.
 AN
 HOA
 C
 T. P.

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
9	La Quỳnh Anh		Người phụ trách quản trị Công ty <i>Corporate Governance Officer</i>					9.000	0,003%	
9.1	La Quang Tiến		Bố đẻ <i>Father</i>							Đã mất <i>Dece ased</i>
9.2	Triệu Thị Định		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
10	Công đoàn Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC <i>Labor Union of DSC Securities Corporation</i>		Công đoàn lao động <i>Labor Union</i>					0	0	
11	Phạm Quang Hưng	Không	TV HĐQT độc lập <i>Independent BOD Member</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11.1	Vũ Lê Mai Hương		Vợ <i>Wife</i>					0	0	
11.2	Phạm Vũ Gia Huy		Con <i>Daughter</i>					0	0	

CÔNG ĐÓP

GIẤY

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11.3	Phạm Vũ Hoàng		Con <i>Daughter</i>					0	0	
11.4	Phạm Văn Thao		Bố đẻ <i>Father</i>							Đã mất <i>Dece ased</i>
11.5	Đỗ Thị Xô		Mẹ đẻ <i>Mother</i>							Đã mất <i>Dece ased</i>
11.6	Phạm Quang Lộc		Em ruột					0	0	

C.T.
TY
HÀN
KHÔI
C
-TS

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11.7	Phạm Thị Thu Hằng		Em ruột <i>Brother</i>					0	0	
11.8	Nguyễn Đức Thịnh		Em rể <i>Brother-in- law</i>					0	0	

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11.9	Vũ Văn Nam		Bố vợ <i>Father-in-law</i>					0	0	
11.1 0	Lê Thị Bích		Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>					0	0	
11.1 1	Vũ Minh Ngọc		Chị vợ <i>Sister-in-law</i>					0	0	

P. 29-
CÔNG
CỔ PH
CHỨNG
DS
QU GIẤY

ST T No.	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty/quan hệ <i>Position/Relat ionship with the Company</i>	Số CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No.</i>	Ngày cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Date of Issue</i>	Nơi cấp CCCD/ ĐKKD <i>ID/Business Registration No. Place of Issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at Period- End</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Shareholdi ng Ratio at Period- End</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11.1 2	Vũ Thị Thanh Mai		Chị vợ <i>Sister-in-law</i>					0	0	



PHỤ LỤC 03
APPENDIX 03
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
TRANSACTIONS

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Name of Person Conducting Transaction</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with Insider</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Shares Held at Beginning of Period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Shares Held at End of Period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reason for Increase/Decrease (purchase, sale, conversion, bonus, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>No. of Shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Ownership %</i>	Số cổ phiếu <i>No. of Shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Ownership %</i>	
Không có <i>None</i>							

NỘI